

Mở đầu.

Xu hướng phát triển hiện tại yêu cầu các quốc gia phải hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế trước hết là hội nhập kinh tế và sau đó là hội nhập về văn hóa và hợp tác giải quyết các vấn đề có tính toàn cầu. Môi trường là một trong những vấn đề có tính toàn cầu đó.

Trong bối cảnh các quan hệ quốc tế đang bị chi phối bởi thương mại, vấn đề bảo vệ môi trường cần có sự giải quyết về mặt lý luận quan hệ giữa thương mại và môi trường; để trên cơ sở đó, công tác bảo vệ môi trường sẽ hiệu quả hơn trên bình diện quốc tế cũng như trong phạm vi mỗi quốc gia.

Do vậy, đề tài này sẽ lấy mối quan hệ giữa thương mại và môi trường làm đối tượng nghiên cứu và mối quan hệ này sẽ xuyên suốt toàn bộ nội dung của đề tài. Sự khác biệt giữa các phần nội dung chính là do sự khác biệt về góc độ đánh giá mối quan hệ thương mại và môi trường.

Các góc độ đánh giá hay phạm vi nghiên cứu gồm các góc độ pháp luật, góc độ thương mại và góc độ lợi ích môi trường. Trong một số trường hợp, việc xem xét đối tượng nghiên cứu theo các góc độ chỉ có thể

dừng ở mức vĩ mô mà không thể ở các mức thấp hơn do yêu cầu về tính khái quát của vấn đề đang xét.

Với mong muốn cùng với những người nghiên cứu khác hoàn chỉnh về mặt lý luận quan hệ thương mại – môi trường, người viết hướng mục đích của mình tới việc giải quyết cơ bản mối quan hệ trên. Người viết cũng biết rằng sự hoàn chỉnh về mặt lý luận sẽ tạo một cơ sở vững chắc cho hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường trong thực tế.

Đề tài theo bố cục sau:

Chương I khái quát về mối quan hệ giữa thương mại và môi trường. Chương II xem xét mối quan hệ giữa hai hệ thống pháp luật điều chỉnh hai lĩnh vực trên trong tương quan giữa chúng. Và chương III soát xét mối quan hệ thương mại – môi trường trong bối cảnh thương mại hóa toàn cầu.

Có thể người đọc sẽ có cách đánh giá, nhìn nhận khác. Dưới góc độ khoa học, người viết rất mong nhận được những cách đánh giá, những quan điểm khác biệt, kể cả sự phản biện khoa học để đề tài này hoàn thiện hơn.

Chương I

Mối Quan Hệ Giữa Thương Mại Và Môi Trường

1. Thương mại và hoạt động thương mại

1.1. Khái niệm

Thương mại là lĩnh vực hoạt động quan trọng nhất trong hoạt động kinh tế của xã hội. Lịch sử tồn tại của xã hội loài người đã chỉ ra rằng hoạt động kinh tế là hoạt động ưu tiên và có tính chi phối, thống trị. Theo nghĩa ban đầu, thương mại là sự mua bán. Với cách hiểu này thì hoạt động thương mại chỉ xuất hiện khi kinh tế đã phát triển tới một trình độ nhất định. Đó là lúc sức sản xuất xã hội tiến bộ đủ để tạo ra sản phẩm dư thừa và xuất hiện nhu cầu trao đổi sản phẩm dư thừa ấy.

Như vậy, khởi nguyên, thương mại chỉ là một bộ phận nhỏ của kinh tế. Tuy nhiên, với sự phát triển không ngừng của xã hội, các hoạt động mang tính chất thương mại ngày càng có vị trí quan trọng đối với sự phát triển của kinh tế nói riêng và xã hội nói chung. Ngày nay, lĩnh vực thương mại đã trở thành “xương sống” của nền kinh tế và các hoạt động thương mại trở thành những hoạt động kinh tế chủ yếu.

Chính sự phát triển và vị trí của thương mại trong nền kinh tế đã định hình lại quan niệm của các quốc gia về khái niệm “thương mại”. Từ

cách hiểu đơn thuần là mua bán, thương mại đã được giải thích như là một lĩnh vực rộng lớn, có tính chất bao trùm lên nhiều lĩnh vực hoạt động. Theo Ủy ban luật thương mại quốc tế của Liên Hiệp Quốc (UNCITRAL), thương mại bao gồm, nhưng không phải chỉ bao gồm, các giao dịch sau đây: bất cứ giao dịch nào về cung cấp, trao đổi hàng hóa hay dịch vụ; thỏa thuận phân phối, đại diện hoặc đại lý thương mại; ủy thác hoa hồng; cho thuê dài hạn; xây dựng các công trình; tư vấn; kỹ thuật công trình; đầu tư; cấp vốn; ngân hàng; bảo hiểm; thỏa thuận khai thác hoặc tô nhượng; liên doanh và các hình thức khác về hợp tác công nghiệp hoặc kinh doanh; chuyên chở hàng hóa hay hành khách bằng đường biển, đường sắt, đường hàng không hay đường bộ.

Rõ ràng định nghĩa theo cách liệt kê trên không thể đưa ra một định nghĩa tổng quát cuối cùng về thương mại. Và với cách diễn giải như vậy, thương mại trở thành khái niệm không có giới hạn.

Thuật ngữ thương mại trước hết là để chỉ một hay tập hợp các hành vi liên quan với nhau diễn ra trên một lĩnh vực hoạt động nào đó của con người. Các hành vi đó khác với các hành vi thông thường ở mục đích lợi nhuận. Các lĩnh vực hoạt động được liệt kê trong khái niệm của UNCITRAL là thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại tài chính – ngân hàng, thương mại vận tải...

Bởi tính không giới hạn các lĩnh vực hoạt động cho nên thương mại ở cấp độ cao nhất là một lĩnh vực rất rộng lớn. Nếu so sánh với khái niệm kinh tế thì thương mại đang tiến đến sự chiếm lĩnh và lấp đầy phạm vi của kinh tế. Ngày nay, khó có thể tìm thấy một lĩnh vực nào của kinh

tế nằm ngoài phạm vi của thương mại. Các nhà kinh tế thống nhất cho rằng: lĩnh vực sản xuất trực tiếp không là thương mại nhưng chính quá trình sản xuất lại chịu sự chi phối rất mạnh mẽ của thương mại.

Nhưng đối với khoa học quản lý và khoa học pháp lý; những định nghĩa liệt kê, các khái niệm bất tận khó được chấp nhận. Cách diễn giải của UNCITRAL cũng chỉ có tính chất tham khảo cho các quốc gia trong quá trình xây dựng luật thương mại của mình. Các quốc gia trong nỗ lực phù hợp với xu hướng chung của thế giới, đáp ứng yêu cầu quản lý và những đặc thù kinh tế - xã hội của mỗi nước phải xây dựng một khái niệm thương mại cụ thể. Khái niệm thương mại theo cách hiểu cổ điển hiện nay đã không còn phù hợp.

Tuy nhiên, thật không dễ dàng để mỗi quốc gia đưa ra một khái niệm thương mại có tính khái quát cao và được sự chấp nhận rộng rãi. Thông thường, luật thương mại quốc gia sẽ không đưa ra khái niệm thương mại là gì mà chỉ giới hạn những hoạt động thương mại ở những lĩnh vực nhất định. Có thể coi cách giới hạn lĩnh vực hoạt động trong hiệp định thương mại Việt – Mỹ là sự giới hạn mẫu mực khái niệm thương mại. Theo đó, các hoạt động thương mại sẽ diễn ra trên 4 lĩnh vực: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại đầu tư và thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ.⁽¹⁾

Đối với Việt Nam, việc thay đổi quan niệm của pháp luật quốc gia về thương mại không chỉ là yêu cầu đối với việc thực thi các cam kết

⁽¹⁾ xem PGS-TS Mai Hồng Quỳnh – Sửa đổi Luật Thương Mại Việt Nam, một số vấn đề lý luận – tạp chí khoa học pháp lý số tháng 3 năm 2003, trang 18.

quốc tế mà còn xuất phát từ yêu cầu về quản lý đối với một hoạt động đang được quốc tế hóa mạnh mẽ; ngày càng chiếm vị trí quan trọng hơn trong nền kinh tế quốc dân.

Trong phạm vi đề tài này, thương mại sẽ được hiểu là một lĩnh vực hoạt động kinh tế cơ bản, rộng lớn của con người mà trong đó đang có hoặc sẽ có những hành vi ở những lĩnh vực như trao đổi hàng hóa, cung ứng dịch vụ, tài chính – ngân hàng, đầu tư, sở hữu trí tuệ và những lĩnh vực hoạt động kinh tế khác ngoài trừ hoạt động sản xuất trực tiếp, nhằm mục đích thu lợi nhuận.

1.2. Vai trò của thương mại đối với sự phát triển

Như đã nêu trên, thương mại ngày nay đã trở thành hoạt động kinh tế chủ yếu của xã hội. Các vòng chu chuyển hàng hóa liên tục, sự cung ứng hàng hóa xuyên biên giới và đặc biệt là vòng quay của tư bản làm cho nền kinh tế không ngừng vận động và phát triển. Thật khó để tưởng tượng xã hội loài người sẽ như thế nào nếu không có thương mại.

Đánh giá vai trò của thương mại đối với sự hình thành Nhà nước và pháp luật, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã nhìn nhận nó có ý nghĩa quyết định. Xã hội loài người đã trải qua ba lần phân công lao động. Lần thứ nhất, chăn nuôi trở thành một ngành kinh tế độc lập tách khỏi ngành trồng trọt. Lần thứ hai, thủ công nghiệp tách ra khỏi nông nghiệp. Sau mỗi lần phân công lao động, xã hội có những chuyển biến rõ rệt, đánh dấu từng bước phát triển của nhân loại. Nhưng phải đến lần phân công lao động thứ ba: thương mại hình thành với sự ra đời của

tầng lớp thương nhân thì xã hội loài người mới đánh dấu một bước phát triển nhảy vọt. Quyền lực kinh tế có sự thay đổi, “lần đầu tiên xuất hiện một giai cấp tuy không tham gia sản xuất ..., nhưng chiếm toàn bộ quyền lãnh đạo sản xuất và bắt những người sản xuất phụ thuộc vào mình về mặt kinh tế... và bóc lột cả hai”.⁽²⁾

Điều dễ nhận thấy nhất, buổi ban đầu, thương mại chỉ đơn thuần là sự mua bán, trao đổi hàng hóa; thương mại dịch vụ xuất hiện sau còn thương mại đầu tư và thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ thì mới xuất hiện cùng với sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Ngay sau khi ra đời, thương mại đã nắm quyền chi phối sản xuất. Sở dĩ nó có được quyền này là vì trong nền kinh tế, thương mại đóng vai trò lưu thông hàng hóa và điều tiết sản xuất.

Theo sự phát triển của xã hội, sức sản xuất không ngừng được nâng cao, sản phẩm làm ra ngày càng nhiều nhưng để sản phẩm đó trở thành hàng hóa thì phải nhờ đến vai trò của thương mại. Thương mại kích thích sản xuất khi nó luân chuyển hàng hóa từ nơi này đến nơi khác, từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ sản phẩm tạo ra sự cân bằng cung cầu trong nền kinh tế. Thông qua tình hình mua bán, trao đổi hàng hóa, người sản xuất biết được khi nào nên gia tăng hay giảm số lượng cung ứng. Đó là sự thể hiện vai trò điều tiết của thương mại đối với sản xuất.

Hơn thế nữa, thương mại không chỉ đáp ứng nhu cầu tự nhiên của con người mà còn làm nảy sinh nhu cầu mới về một loại sản phẩm nào

⁽²⁾ Đại học luật Hà Nội – Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật – Nhà xuất bản Công An Nhân Dân 1997 – trang 36.

đó. Đây là chức năng kích thích tiêu dùng mà chỉ riêng thương mại mới có. Sự gia tăng tiêu dùng kéo theo sự gia tăng sản xuất tạo ra một ảnh hưởng dây chuyền tới tất cả các yếu tố liên quan đến việc sản xuất ra sản phẩm đó. Sản phẩm được sản xuất nhiều hơn, nhu cầu vật chất của con người được đảm bảo tốt hơn. Đó chính là điều kiện cần thiết để phát triển về văn hóa tinh thần và các yếu tố khác như chính trị, pháp luật...

Trở lại với quan điểm của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học về nguồn gốc của Nhà nước và pháp luật; theo họ ý nghĩa quyết định của thương mại thể hiện ở chỗ khi thương mại ra đời và bành trướng đã kéo theo sự xuất hiện của đồng tiền, tín dụng, chế độ tư hữu đối với đất đai... Tất cả những yếu tố đó làm cho sự tích tụ và tập trung của cải vật chất vào trong tay một số ít người giàu có diễn ra một cách nhanh chóng; đồng thời thúc đẩy sự phân tầng xã hội một cách sâu sắc. Xã hội xuất hiện những giai tầng mới mà lợi ích đối lập nhau. Sự hình thành những giai cấp đối kháng trong xã hội là điều kiện tiên quyết đối với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật.⁽³⁾

Vào thời cổ đại, xã hội loài người đã chứng kiến một cuộc giao lưu thương mại Đông – Tây quy mô lớn và kéo dài hàng thế kỷ mà lịch sử gọi là “con đường tơ lụa”. Có lẽ, đây là khởi đầu cho một nền thương mại có tính toàn cầu như ngày hôm nay. Điều này là minh chứng nhu cầu phát triển thương mại đã vượt ra khỏi phạm vi một quốc gia và hướng đến tính quốc tế từ rất xa xưa. Nếu không có chính sách hạn thương, bế quan tỏa cảng của chế độ phong kiến thì thương mại ngày nay đã khác đi rất

⁽³⁾ xem Đại học luật Hà Nội - Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật – Nhà xuất bản Công An Nhân Dân 1997.

nhiều. Dù sao đi nữa, sự hạn chế ấy cũng tạo điều kiện ngưng tụ và bùng nổ một sự phát triển mới của thương mại. Chủ nghĩa tư bản xuất hiện và thắng thế ở Tây Âu. Giai cấp tư sản chính là giai cấp lấy thương mại làm một trong những phương thức kinh tế chính. Thương mại ngày càng phát triển thì sức bành trướng của nó ngày càng mạnh. Nhu cầu xuất khẩu hàng hóa, xuất cảng tư bản dẫn đến hàng loạt các cuộc xâm chiếm thuộc địa của các nước phương Tây. Các nước ở châu Mỹ, châu Á, châu Phi lần lượt trở thành nơi tiêu thụ hàng hóa và là nơi cung cấp nguyên nhiên liệu cho nền sản xuất của các nước đế quốc, thực dân.

Cũng đặt trên cơ sở mối quan hệ Đông – Tây và để làm nổi rõ hơn vai trò của thương mại, chúng ta phải đặt ngược lại vấn đề: Tại sao có sự khác biệt Đông – Tây? Sự khác biệt đó vẫn còn di chứng cho đến ngày hôm nay. Nó thể hiện thông qua trình độ phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, lối sống... Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự khác biệt ấy là thương mại. Nền văn minh phương Tây là nền văn minh thương mại còn văn minh phương Đông là văn minh nông nghiệp.

Từ thời cổ đại, các nước ven Địa Trung Hải đã lấy thương nghiệp làm nền kinh tế chủ đạo; trong đó thương mại hàng hóa rất phát triển. Điều này hoàn toàn khác biệt với các nước phương Đông lấy sản xuất nông nghiệp làm căn bản. Đó là do sự khác biệt về điều kiện tự nhiên của mỗi vùng. Sau đó sự khác biệt về kinh tế dẫn đến sự khác biệt về tư duy. Người phương Tây thích khám phá, chinh phục tự nhiên còn người phương Đông chịu sự ảnh hưởng của tâm lý phụ thuộc ngoại cảnh. Ngành thương mại hàng hải phát triển cùng với sự chinh phục không ngừng của

con người đối với biển cả. Ngành hàng hải rõ ràng đòi hỏi sự phát triển của kỹ thuật cao hơn rất nhiều so với sản xuất nông nghiệp. Hơn nữa kinh tế thương nghiệp cho phép sự tiếp thu, học hỏi và kết hợp học thuật của nhiều vùng khác nhau. Từ sự khác biệt ban đầu dẫn đến sự cách biệt rất lớn về trình độ phát triển kinh tế cũng như khoa học kỹ thuật giữa phương Đông và phương Tây. Cho đến ngày nay cách biệt đó vẫn chưa được san bằng.

Nếu nhìn lại toàn bộ các giai đoạn phát triển của thương mại thì giai đoạn phát triển từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời là giai đoạn có sự thay đổi về chất. Sự chi phối của thương mại đối với sản xuất đã tiến đến mức một “quyền lực thương mại” đối với xã hội. Nội dung của thương mại đã vượt ra khỏi sự đơn thuần là thương mại hàng hóa mà còn có thương mại dịch vụ, thương mại đầu tư, và đặc biệt là thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Sự bảo hộ của Nhà nước đối với các sản phẩm sở hữu trí tuệ buộc những người có nhu cầu sử dụng sản phẩm sở hữu trí tuệ phải xin phép người giữ quyền sở hữu trước khi sử dụng. Sẽ chẳng có rắc rối gì nếu người xin phép luôn nhận được sự đồng ý. Vấn đề là trong nhiều trường hợp không được sự chấp thuận và có thể phát sinh mâu thuẫn lợi ích giữa người giữ quyền sở hữu và cộng đồng. Trong trường hợp như vậy, mặc dù luật pháp quốc gia có quy định chuyển giao bắt buộc thì thương mại vẫn sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết mâu thuẫn trên. Trường hợp này, thương mại đã thể hiện vai trò điều hòa các lợi ích xã hội.

Hiện nay, sự phát triển của thương mại là thước đo quan trọng nhất của sự phát triển kinh tế. Nhiều trường hợp, người ta đồng nhất tăng trưởng thương mại với phát triển kinh tế. Trong xu hướng thương mại hóa toàn cầu, vị thế của thương mại quyết định tiếng nói kinh tế – chính trị của mỗi quốc gia trên trường quốc tế.

2. Môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường

2.1. Khái niệm

Môi trường là tổng thể các yếu tố bao quanh một thực thể. Chúng có thể là các yếu tố tự nhiên, xã hội; các yếu tố vật chất, phi vật chất... Ở góc độ rộng nhất, môi trường sống của con người là tất cả những gì không phải là con người. Con người là một thực thể đặc biệt mà sự tồn tại của nó đòi hỏi phải hội đủ cả hai yếu tố vật chất và phi vật chất. Yếu tố vật chất trước hết là điều kiện tồn tại sinh học của loài người; và trên cơ sở đó các yếu tố phi vật chất mới phát triển. Môi trường phi vật chất là một môi trường đặc biệt mà chỉ có con người mới có. Nó chính là biểu hiện về sự phát triển xã hội của loài người. Trong phạm vi đề tài này, môi trường được hiểu “bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất và sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên”.⁽⁴⁾ Điều này có nghĩa là môi trường chỉ được xét ở khía cạnh vật chất mà không xét đến khía cạnh còn lại.

⁽⁴⁾ Điều 1 luật Bảo vệ môi trường 1993.

Sự nhận thức đối với thế giới xung quanh con người đã xảy ra từ lâu, từ khi con người xuất hiện. Mức độ nhận thức ở mỗi thời kỳ khác nhau thì khác nhau. Nhìn chung mức độ đó tăng dần theo quy luật phát triển của xã hội mà kết quả của nó được đánh dấu bằng khả năng làm chủ tự nhiên hay những bước tiến về văn minh nhân loại. Việc nhận thức môi trường xung quanh là quá trình liên tục, không ngừng nghỉ nhưng phải đến những năm nửa sau của thế kỷ XX thì con người mới có được sự nhận thức đúng mức đối với việc bảo vệ môi trường sống của chính mình. Trên bình diện thế giới, việc bảo vệ môi trường được đánh dấu chính thức bằng **“Tuyên bố Stockholm 1972”** của hội nghị Liên Hiệp Quốc về môi trường và con người được tổ chức tại Stockholm (Thụy Điển) từ ngày 05 đến ngày 16 tháng 6 năm 1972. Từ thời điểm này trở đi, bảo vệ môi trường trở thành vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội. Đề tài bảo vệ môi trường luôn được nhắc tới trong các diễn đàn hợp tác và phát triển quốc tế, tại các hội nghị song phương, đa phương... Hơn hết, sự sống còn của xã hội loài người phải được coi trọng. Bảo vệ môi trường không còn là nghĩa vụ riêng rẽ của mỗi quốc gia mà đó là nghĩa vụ toàn cầu; đòi hỏi sự hợp tác và nỗ lực của nhiều quốc gia. Một loạt các điều ước quốc tế đa phương về môi trường được ký kết. Hoạt động thi hành chúng có thể coi là hoạt động bảo vệ môi trường hữu hiệu và mang tính chủ yếu xét trên góc độ thế giới.

Các định chế pháp lý được coi là sự bảo đảm đối với môi trường mặc dù bảo vệ môi trường không nhất thiết chỉ bằng biện pháp pháp luật. Pháp luật sẽ bảo vệ tốt môi trường khi việc xây dựng và thực thi nó trên cơ sở dung hòa các lợi ích khác nhau của xã hội với lợi ích môi trường.

Điều này không phải dễ dàng vì các mối quan hệ lợi ích tồn tại hết sức phức tạp. Tính chất phức tạp càng tăng lên khi có sự đan xen lợi ích môi trường. Ngày nay, việc dung hòa các lợi ích trong đó có lợi ích thương mại và môi trường được xem là một thách thức hợp lý trong tiến trình phát triển của xã hội.

2.2. Vai trò của môi trường đối với sự phát triển

Thực trạng môi trường ngày nay là hậu quả của sự phát triển công nghiệp bắt đầu từ hàng trăm năm trước. Các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật không ngừng diễn ra. Thành quả của nó đem lại cho xã hội là vô cùng to lớn. Tuy nhiên, chúng cũng để lại nhiều tác động tiêu cực lên đời sống xã hội trong đó phải kể đến tác động tới môi trường.

Môi trường không chỉ đơn thuần là để duy trì đời sống sinh học của con người mà nó còn là nhân tố quyết định sự hình thành văn minh nhân loại. Có thể coi văn minh nhân loại là tổng hợp của hai yếu tố: trí tuệ và môi trường. Môi trường cung cấp các điều kiện vật chất phục vụ cho sức sáng tạo của con người. Các thành tựu khoa học kỹ thuật giúp con người khai thác nhiều hơn, sử dụng triệt để môi trường hơn nhằm phục vụ cho đời sống chính mình. Tất cả những tiện nghi vật chất mà con người thụ hưởng hiện nay đều là kết quả của sự khai thác và sử dụng môi trường.

Nhìn lại lịch sử các nền văn minh nhân loại, ta dễ dàng nhận thấy yếu tố về điều kiện tự nhiên đóng một vai trò rất quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của những nền văn minh đó. Nền văn minh Hy – La ảnh hưởng rõ nét của yếu tố biển, trong khi văn minh phương Đông bị

chi phối bởi yếu tố sông và các đồng bằng châu thổ. Trong buổi đầu của văn minh nhân loại, khi mà khoa học kỹ thuật chưa phát triển, các yếu tố tự nhiên sẽ chi phối cách thức hoạt động và sản xuất của con người. Thật dễ hiểu tại sao hoạt động kinh tế chủ yếu của người Hy Lạp cổ đại là thương nghiệp hàng hải trong khi ở phương Đông là sản xuất nông nghiệp.

Các yếu tố tự nhiên cũng tác động rất lớn đến tư duy và cách thích ứng với tự nhiên. Trong một điều kiện tự nhiên thuận lợi, mưa thuận gió hòa, thì con người sẽ có tư duy cầu toàn, phụ thuộc vào tự nhiên. Nhưng nếu ở trong một điều kiện khắc nghiệt thì tư duy chinh phục sẽ xuất hiện. Đê sông Hồng hay các công trình trị thủy của người Hà Lan là những bằng chứng về cách thức chinh phục thiên nhiên của loài người.

K. Marx, người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, đã chia sự phát triển xã hội loài người qua 5 hình thái kinh tế xã hội tương ứng với 5 phương thức sản xuất là: cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Xét cho đến cùng, sự khác biệt giữa các phương thức sản xuất chính là sự khác biệt giữa các cách thức khai thác và sử dụng môi trường. Các phương thức sản xuất ra đời sau luôn có sự tiến bộ hơn phương thức trước nó bởi nó được sự hỗ trợ của những tiến bộ khoa học kỹ thuật. Không thể phủ nhận những đóng góp của khoa học kỹ thuật đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện nay. Phải thừa nhận rằng; phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là một phương thức sản xuất tiến bộ. Chúng mang lại cho xã hội một sự thặng dư

của cải chưa từng có trong lịch sử, đưa đời sống con người lên mức tiện nghi.

Tuy nhiên, sự phát triển quá mạnh của lực lượng sản xuất dẫn đến môi trường bị khai thác quá mức. Để tạo ra một lượng của cải khổng lồ cho xã hội thì đương nhiên cũng tương ứng một lượng tài nguyên thiên nhiên bị khai thác và một lượng chất thải được thải ra môi trường. Một số nguồn tài nguyên không thể phục hồi hoặc không kịp phục hồi. Lượng chất thải vượt quá giới hạn khả năng tự làm sạch của môi trường. Các hậu quả sinh thái ngày nay mà con người đang gánh chịu như suy giảm tầng Ozone, nhiệt độ trái đất đang tăng dần và mực nước biển đang ngày càng dâng cao, ô nhiễm không khí... là tất yếu.

Loài người đang đứng trước nguy cơ tự hủy hoại môi trường sống bởi những tác động tiêu cực từ chính sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Vấn đề ô nhiễm môi trường đang đòi hỏi mỗi nước phải xem xét lại cách thức phát triển nhằm hướng đến sự ổn định và bền vững của sự sống trên hành tinh cũng như sự tồn tại của văn minh nhân loại.

3. Mối quan hệ giữa thương mại và môi trường

3.1. Sự thống nhất và mâu thuẫn giữa thương mại và môi trường

Thương mại và môi trường có mối quan hệ qua lại, gián tiếp với nhau. Chúng tác động lẫn nhau thông qua trung gian là hoạt động kinh tế sản xuất của con người. Các hoạt động thương mại theo quan điểm hiện

nay không bao gồm các hoạt động sản xuất nhưng lại chi phối hoạt động này. Xu hướng phát triển cho thấy: quyền lực thị trường đã và đang dần chuyển từ nhà sản xuất sang nhà phân phối. Hiện nay, các nhà phân phối không còn phụ thuộc vào các nhà sản xuất nữa mà ngược lại, do nguồn cung ứng hàng hóa quá nhiều. Không còn nghi ngờ gì nữa, hoạt động thương mại đang điều tiết nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất nói riêng.

Hoạt động sản xuất trực tiếp là quá trình liên hệ chặt chẽ với môi trường nhiều nhất. Môi trường là nơi cung cấp nguyên, nhiên vật liệu đầu vào; đồng thời cũng là nơi tiếp nhận các chất thải của quá trình sản xuất kể cả các sản phẩm bị thải bỏ sau khi sử dụng. Khi các hoạt động thương mại chi phối sản xuất thì tất nhiên sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến môi trường. Thí dụ trường hợp các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ gỗ mở rộng thị trường kinh doanh. Nhu cầu của các thị trường mới đòi hỏi nhà sản xuất phải tăng cung ứng một lượng hàng hóa nhất định. Hiển nhiên, thêm một diện tích rừng nữa bị biến mất vì người ta cần nguyên liệu để đáp ứng nhu cầu trên.

Nhìn chung, những hoạt động thương mại thuần túy không thể tác động trực tiếp đến môi trường. Nhưng các công cụ, phương tiện hỗ trợ cho thương mại thì có thể gây ra những tác động trực tiếp và tiêu cực đến môi trường. Ngành thương mại vận tải sẽ không để lại những hậu quả tiêu cực đối với môi trường nếu các phương tiện vận chuyển không thải những chất có thể gây nguy hại cho môi trường. Lấy vận chuyển đường biển làm thí dụ. Ngoài các phương tiện vận chuyển thông thường cùng

với những chất thải của chúng xuống môi trường biển thì môi trường biển luôn luôn đối diện thường trực với nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu của các tàu chở dầu. Mỗi năm, thế giới đã chi phí một khoản tiền không nhỏ để khắc phục các sự cố tràn dầu. Tuy nhiên, dù có tốn nhiều tiền thì môi trường vẫn không thể trở lại như ban đầu.

Khi giải thích hiện tượng xâm thực của các loài lạ, các nhà khoa học cho rằng một trong những nguyên nhân gây nên hiện tượng đó là tác nhân con người. Thương mại vận tải đã phát triển tới mức khoảng cách giữa các lục địa gần như không còn. Con người di chuyển liên tục từ địa phương này tới địa phương khác, từ nơi này tới nơi khác với tốc độ chóng mặt. Trong quá trình di chuyển, con người vô tình hay cố ý mang theo những giống loài lạ mà trong những điều kiện thuận lợi nhất định, chúng sẽ bùng nổ phát triển về số lượng, dần dần xóa sổ các loài bản địa. Điều này có thể đe dọa nghiêm trọng đến sự đa dạng sinh học của một vùng.

Đôi khi những toan tính thương mại của con người bị phản tác dụng. Khi nhập về một loài mới, người ta thường hy vọng chúng sẽ đem lại những giá trị thương mại sau này. Với tư duy đó, loài tôm nước ngọt Louisiana được nhập tự do vào nước Pháp. Người ta trông chờ thu được từ chúng nhiều lợi nhuận nhưng những con vật giỏi đào bới này không quá khó khăn để thoát khỏi sự chế ngự của con người. Kể từ đó, loài giáp xác này đã tàn phá những con đê và hệ thống thủy nông mà chúng gặp trên đường phát triển giống loài; gây ra những thiệt hại to lớn cho những người nuôi cá, nhất là ở vùng Aquitain.⁽⁵⁾ Có lẽ không ngoài mục đích

(5) Hoàng Dũng, Triệu Hòa - Những kẻ xâm lược mới - - KTNN số 343 ngày 20/02/2000, trang 71.

tương tự khi Việt Nam cho nhập về giống ốc bươu vàng để rồi đối diện với đại dịch sinh thái: nạn ốc bươu vàng ở giữa thập niên 90 của thế kỷ XX. Hôm nay, khi dịch ốc bươu vàng đã lắng xuống nhưng không một ai có thể bảo đảm rằng nó sẽ không tái bùng phát do không thể tận diệt hết loài ốc này.

Nếu như không có sự nhận thức đúng mức về nguy cơ sinh thái của các giống loài lạ thì cho phép nhập khẩu và phát tán chúng là nguy hại vô cùng. Có thể trước mắt, con người sẽ thu được lợi nhuận nhưng những lợi nhuận đó quá nhỏ so với thiệt hại trong tương lai mà con người có thể gánh chịu. Thật khó mà đoán biết hậu quả của việc cho nhập loài ác ngư Piranhas (một loài cá ăn thịt sống ở vùng Amazone – Nam Mỹ) về nuôi làm cảnh. Giả sử một số lượng trong chúng mà thoát ra ngoài tự nhiên thì liệu các loài cá khác có còn không?

Sự phát triển và giao lưu thương mại mạnh mẽ cũng gây rất nhiều khó khăn cho công tác kiểm soát và ngăn ngừa dịch bệnh. Trong những năm liên tiếp gần đây, thế giới phải liên tục gánh chịu hai đại dịch là dịch Sars và dịch cúm gia cầm. Trong tương quan thương mại – môi trường, có thể nhìn nhận hai đại dịch này ở hai góc độ: Thứ nhất, là khó khăn khi kiểm soát và ngăn ngừa lây lan dịch bệnh như đã nêu; và thứ hai chính là những tác dụng ngược tối thương mại. Vì lý do an toàn sức khỏe, giao lưu thương mại bị giảm tốc độ. Nhà nước ban hành nhiều biện pháp khẩn cấp, kiểm soát đặc biệt, hạn chế quyền tự do di chuyển của con người.

Sẽ rất khó khăn để nhận thấy tác động rõ nét của môi trường tới thương mại nếu không có những đại dịch kể trên hoặc không có những thành phần môi trường bị suy thoái, một số nguồn tài nguyên đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt. Có thể thấy rõ điều này thông qua sự tác động của dầu mỏ. Dầu mỏ là một nguồn tài nguyên – hàng hóa có tính chiến lược, có thể làm chao đảo thị trường thế giới. Việc giá dầu thô leo thang đến mức trên 50 USD/thùng trong các tháng 9, 10, 11 năm 2004 đã kéo theo một loạt các hệ quả thị trường mà dễ nhận biết nhất là sự gia tăng giá tiêu dùng của các mặt hàng... Nguồn tài nguyên càng khan hiếm, càng cần thiết thì tác động của nó đối với thương mại càng lớn. Sở dĩ dầu mỏ có thể gây ra những tác động lớn như vậy vì nó là nguồn tài nguyên then chốt đối với một lĩnh vực rất quan trọng trong đời sống và sự tồn tại của xã hội. Đó là an ninh năng lượng.

Những biến chuyển đột ngột của môi trường cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực tới thương mại. Khác biệt với thương mại, khi tác động tới môi trường thường thông qua sản xuất, môi trường khi tác động tới thương mại thường thông qua con người. Dù sao con người, chủ thể của các hoạt động thương mại trước hết cũng là một sinh vật. Những chuyển biến khí hậu sẽ tác động trực tiếp tới sức khỏe cũng như khả năng thích ứng của con người. Khi không có con người thì hoạt động thương mại cũng chẳng còn.

Những chuyển biến mà đáng kể hơn cả là những đột biến môi trường có thể gây ra những thiệt hại to lớn đối với thương mại. Ngày 25 tháng 12 năm 2004 vừa qua, thế giới đã trải qua một thảm họa thế kỷ:

động đất và sóng thần ở Ấn Độ Dương. Thiệt hại về người lên tới trên 165.000 người, còn về kinh tế không thể thống kê hết. Thái Lan ước tính thiệt hại trước mắt khoảng 6% GDP(tổng sản phẩm quốc nội). Riêng thiệt hại đối với du lịch và các ngành thương mại có liên quan là tiềm tàng, không thể tính chính xác. Có thể thấy, những địa điểm du lịch như Phuket hay Maldives sẽ tạm thời hoang vắng, cần có thời gian để phục hồi cơ sở vật chất và phục hồi tăng trưởng thương mại du lịch. Tuy nhiên, không phải dễ dàng hồi phục tăng trưởng bởi tâm lý lo sợ những vùng có nguy cơ thảm họa sóng thần của khách du lịch.

Đặc biệt, thương mại có thể ảnh hưởng trực tiếp từ các biện pháp bảo vệ môi trường của con người. Những hoạt động bảo vệ môi trường có thể ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp tới hoạt động thương mại. Khi xảy ra sự cố tràn dầu trên biển, các quốc gia ven biển thực hiện quyền tài phán, can thiệp, khắc phục ô nhiễm. Các tàu thuyền đi qua vùng xảy ra sự cố có thể phải thay đổi hải trình. Như vậy, không chỉ thương mại vận chuyển đường biển bị ảnh hưởng trực tiếp mà thị trường của một hay một số loại hàng hóa nội địa của một quốc gia sẽ bị ảnh hưởng gián tiếp do thiếu hụt nguồn cung nếu nguồn cung chủ yếu của loại hàng hóa đó là từ nhập khẩu đường biển.

Lợi ích thương mại và môi trường tuy đều là lợi ích của con người nhưng chúng có thể mâu thuẫn hoặc thống nhất với nhau. Trong tổng thể lợi ích cần đạt, con người luôn hướng tới sự thống nhất lợi ích giữa chúng. Dĩ nhiên khi chúng đối lập nhau thì trong nhiều trường hợp con người phải lựa chọn: hoặc lợi ích môi trường hoặc lợi ích thương mại mà bất cứ

sự lựa chọn nào cũng đều có cái giá riêng của nó. Lấy vấn đề nhập khẩu rác thải độc hại làm ví dụ. Việc một quốc gia cho phép nhập khẩu chúng sẽ đem lại một khoản tiền nhưng lại phải trả một khoản tiền khác để khắc phục ô nhiễm môi trường (ở đây không xem xét trường hợp nhập khẩu bất hợp pháp). Thực tế, các quốc gia có cho phép nhập khẩu hay không phụ thuộc vào sự so sánh lợi ích có được, mà sự so sánh đó không nhất thiết phải đồng nhất với tương quan hai khoản tiền thu được và bỏ ra.

Sự phát triển luôn hướng đến loại trừ những mâu thuẫn về lợi ích. Không một quốc gia nào muốn đối diện với sự lựa chọn một trong hai giữa lợi ích thương mại và môi trường. Các nhà hoạch định chính sách hy vọng rằng sự phát triển thương mại sẽ không đối nghịch với lợi ích môi trường. Mặc dù hiện tại đang có sự mâu thuẫn giữa lợi ích thương mại và môi trường nhưng về tổng thể xu hướng phát triển, mâu thuẫn này sẽ bị triệt tiêu. Khi đó sự tăng trưởng thương mại sẽ tạo ra những nguồn lực làm cơ sở cho con người xây dựng một môi trường sống ngày càng tốt hơn, lành mạnh hơn.

Trước mắt, những nguồn lực do thương mại tạo ra phải được sử dụng cho mục đích an sinh giáo dục cũng như nâng cao các phúc lợi xã hội. Đó chính là nền tảng quan trọng để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của quần chúng. Điều đáng ngại nhất hiện nay là sự phân bố không đồng đều các nguồn lực do thương mại tạo ra do sự phát triển thương mại không đồng đều giữa các nước. Có thể ở một số nước phát triển, môi trường được bảo vệ rất tốt nhưng đa số các nước còn lại thì

không. Xét trong tổng thể thì điều này không có lợi đối với môi trường toàn cầu.

Loài người đang định hình một xu hướng phát triển mới; một cách thức mà theo đó sẽ không còn tồn tại mâu thuẫn giữa thương mại và môi trường. Đó là phát triển bền vững.

3.2. Khái quát về phát triển bền vững

Phát triển bền vững được coi là một phương thức phát triển mới theo đó, để đánh giá trình độ phát triển của xã hội, người ta căn cứ vào một loạt các tiêu chí tổng hợp mà không đơn thuần chỉ căn cứ vào tiêu chí phát triển kinh tế - thương mại. Có thể chia các tiêu chí thành ba nhóm: nhóm tiêu chí kinh tế, nhóm tiêu chí xã hội – con người, và nhóm tiêu chí về môi trường.

Nhóm tiêu chí kinh tế là nhóm có ý nghĩa quan trọng nhất, bao gồm các chỉ số tăng trưởng kinh tế, thu nhập... nhưng quan trọng nhất là chỉ số tăng trưởng thương mại và thu nhập bình quân đầu người. Nhóm xã hội – con người bao gồm các tiêu chí riêng lẻ như tốc độ gia tăng dân số, trình độ dân trí, phát triển hệ thống y tế, số bác sĩ trên một vạn dân...; hoặc những tiêu chí tổng hợp trong đó quan trọng nhất là chỉ số phát triển con người (HDI). Nhóm tiêu chí môi trường phản ánh hiện trạng môi trường sống của con người cũng như những bảo đảm về một môi trường trong sạch và lành mạnh. Các nhóm tiêu chí được đưa ra có mối quan hệ biện chứng với nhau. Do đó, dù khi đưa ra những mục tiêu cụ thể khi thực

hiện từng nhóm tiêu chí có khác nhau nhưng về tổng thể, để có phát triển bền vững cần phải đạt được cùng lúc tất cả các tiêu chí trên.

Mục đích sau cùng của phương thức phát triển bền vững là hướng đến sự phục vụ tốt nhất con người. Ở đó con người không chỉ được phục vụ những tiện nghi vật chất mà còn được đảm bảo nhu cầu phát triển toàn diện bản thân cũng như quyền được sống trong một môi trường trong sạch, lành mạnh. Tính chất bền vững của phát triển được hiểu ở cả góc độ không gian lẫn góc độ thời gian. Ở góc độ không gian, khoảng cách giàu nghèo giữa các nước cũng như trong phạm vi một quốc gia phải được thu hẹp, hướng tới một sự cân bằng các lợi ích xã hội. Ở góc độ thời gian, đó là sự công bằng giữa các thế hệ, giữa thế hệ hiện tại và thế hệ tương lai. Theo Hội đồng thế giới về môi trường và phát triển (WCED) thì “phát triển bền vững là sự đáp ứng được yêu cầu của hiện tại nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau”.⁽⁶⁾

Từ cách hiểu và các tiêu chí đánh giá trên, các quốc gia đặt ra những mục tiêu chiến lược nhằm thực hiện phát triển bền vững. Ở Việt Nam, ba mục tiêu chiến lược được đặt ra: tăng trưởng kinh tế, công bằng và tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường. Các mục tiêu này liên hệ chặt chẽ với nhau; và như đã nói trên phát triển bền vững sẽ không đạt được nếu có sự thất bại trong việc thực hiện một trong các mục tiêu. Định hướng phát triển bền vững của Việt Nam (Agenda 21 của Việt Nam) được ban hành theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 của Thủ

(6) Xem Agenda 21 của Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004.

Tướng Chính Phủ nêu rõ định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam phải tuân thủ. Theo các nguyên tắc được nêu trong Agenda 21 của Việt Nam thì đường lối phát triển của nước ta tập trung vào ba tiêu điểm chính:

Thứ nhất, con người là trung tâm của phát triển bền vững. Đây không chỉ là mục tiêu mà là một định hướng có tính nhân bản cho sự phát triển của xã hội. Sẽ là vô nghĩa nếu sự phát triển đó không hướng tới phục vụ con người. Hiện nay, có thể khẳng định đây là tiêu điểm chính và là mục đích sau cùng của sự phát triển.

Thứ hai, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới, đồng thời ổn định về chính trị. Kinh tế phát triển sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu khác của xã hội. Các mục tiêu an sinh xã hội không thể đạt được nếu như không có những nguồn lực vật chất do kinh tế tạo ra. Song song với sự phát triển của kinh tế là sự phát triển của khoa học công nghệ. Đây chính là nhân tố không thể thiếu thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; làm nền tảng cho việc hướng đến sự phục vụ tốt nhất đối với con người. Còn ổn định chính trị là bảo đảm về chủ quyền quốc gia, nâng cao năng lực cầm quyền của Nhà nước, hay an ninh xã hội... Giữa chính trị và kinh tế có mối quan hệ rất chặt chẽ. Sự phối hợp giữa chúng tạo nên tính bền vững và ổn định của hệ thống kinh tế – chính trị quốc gia. Có thể coi đây là mục tiêu hàng đầu của nước ta trong giai đoạn hiện nay và sắp tới.

Thứ ba, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường. Đây là mục tiêu khẩn cấp và có tính toàn cầu đồng thời cũng là mục tiêu hướng đến

phục vụ cho con người. Con người phải được sống trong một môi trường trong sạch, lành mạnh. Đó là lý lẽ không thể chối cãi về quyền tự nhiên của con người.

Các nguyên tắc, định hướng được đưa ra yêu cầu phải thực hiện đồng thời và đầy đủ. Thực tế thì điều đó rất khó khăn vì sự mâu thuẫn các lợi ích trong xã hội. Xã hội luôn có nhu cầu phát triển và thoát ra khỏi ràng buộc hiện tại. Với mong muốn xã hội sẽ tốt đẹp hơn, các định hướng như vậy được đưa ra là rất cần thiết. Phát triển bền vững phải hướng đến một sự phát triển toàn diện. Tuy nhiên, sự thành công hay không còn phụ thuộc vào cách mà mỗi quốc gia giải quyết xung đột lợi ích mà đặc biệt là xung đột giữa thương mại và môi trường như thế nào.

Phát triển bền vững là một mục tiêu lớn mà việc thực hiện nó đòi hỏi phải có các bước cụ thể, các mục tiêu nhỏ hơn. Sự chi phối của những xung đột về lợi ích có thể dẫn tới thất bại trong việc thực hiện một số mục tiêu do con người không thể giải quyết hết tất cả các mâu thuẫn xã hội. Trong ba mục tiêu chiến lược của phát triển bền vững thì mục tiêu phát triển kinh tế là quan trọng nhất, có tính quyết định đối với việc thực hiện hai mục tiêu còn lại. Quá trình phát triển kinh tế nhất thiết phải có sự đầu tư bảo vệ môi trường bởi lẽ bài học sinh thái ngày hôm nay chính là bằng chứng về một sự phát triển thiếu định hướng của thế giới từ hàng trăm năm trước. Ở nước ta, quan điểm của Đảng trong Nghị quyết 41/TW (15/11/2004) của Bộ Chính Trị thể hiện rõ: “đầu tư cho môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững”. Không gì khác hơn là những nỗ lực để giải quyết mối quan hệ thương mại – môi trường. Đây là mối quan hệ phức

tạp và chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Trên bình diện thế giới, nó được coi là một thách thức không nhỏ đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

Từ những định hướng như trên, ta có thể thấy yêu cầu về quy hoạch tổng thể kinh tế – môi trường là vấn đề cấp bách đang đặt ra cho các nhà hoạch định và thực hiện các chính sách. Nói cách khác, quy hoạch môi trường đã trở thành một bộ phận không thể tách rời trong tổng thể quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của một quốc gia.

Hiện nay, ở nước ta, vấn đề quy hoạch đang là một tồn tại tiêu cực của xã hội. Thứ nhất, quy hoạch chiến lược còn yếu kém. Quy hoạch chiến lược đòi hỏi tính ổn định lâu dài, yêu cầu phải tính toán đầy đủ các tác động ở tầm vĩ mô của quy hoạch. Thứ hai; là sự quy hoạch thiếu đồng bộ thể hiện ở sự không thống nhất giữa quy hoạch toàn quốc và quy hoạch của các địa phương và không đồng bộ ngay cả trong quy hoạch ở phạm vi các địa phương. Thứ ba; là hiện tượng “quy hoạch treo”. Có những quy hoạch không bao giờ được thực hiện hoặc thực hiện rất chậm , kém hiệu quả.

Thực tế, các quy hoạch kinh tế – xã hội ở nước ta thường không có tính toán các yếu tố môi trường; chưa xem quy hoạch môi trường là yêu cầu bắt buộc. Hậu quả để lại những thiệt hại rất lớn cho việc khắc phục ô nhiễm môi trường. Lấy vấn đề quy hoạch phát triển công nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh làm ví dụ. Trong thời kỳ đẩy mạnh phát triển kinh tế từ sau khi có chính sách mở cửa của Nhà nước, hàng loạt các xí nghiệp sản xuất được xây dựng ngay trong nội thành, không có những ràng buộc về

công nghệ môi trường áp dụng. Hệ quả tất yếu là các chất thải của những cơ sở sản xuất này vượt quá khả năng tự làm sạch của môi trường. Nguồn nước, nguồn không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng, môi trường sống của người dân xung quanh bị đe dọa. Để khắc phục, các phương án di dời được thực hiện. Nhưng rõ ràng, chi phí phải tốn kém cho việc di dời các cơ sở công nghiệp từ nội thành vào các khu công nghiệp cộng với ô nhiễm môi trường là cái giá đắt mà thành phố Hồ Chí Minh phải trả cho việc thực hiện những quy hoạch thiếu tính chiến lược và không có tính toán đến các tác động môi trường.

Trong thực tế, có thể có một số địa phương khi quy hoạch có đánh giá những tác động môi trường nhưng đó là sự manh mún, có tính tự phát và không toàn diện. Trước tình hình đó, Bộ Xây Dựng đã có thông tư số 10 ngày 08/8/2000 hướng dẫn về việc lập báo cáo ĐTM đối với đồ án quy hoạch xây dựng nhằm thống nhất việc thực hiện lập báo cáo ĐTM trong quy hoạch xây dựng trên toàn quốc. Nếu phối hợp tốt giữa quy hoạch môi trường với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội thì sẽ đem lại những lợi ích rất lớn. Có thể dễ dàng nhận thấy các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ được khai thác một cách có hiệu quả hơn.

Những quy hoạch phân vùng kinh tế có ảnh hưởng sâu sắc đến việc tái phân bố dân cư. Hiện tượng lao động rời bỏ nông thôn và tập trung ngày càng đông ở các đô thị lớn dẫn tới sự quá tải ở những thành phố. Việc làm, an ninh trật tự, y tế, giáo dục... tạo nên những gánh nặng cho sự phát triển của các thành phố. Trong khi đó, ở nông thôn, ruộng đất bị hoang hóa do không người canh tác hoặc canh tác bằng lối canh tác

quảng canh. Khả năng dẫn tới thoái hóa đất sản xuất rất có thể sẽ xảy ra. Báo cáo hiện trạng môi trường năm 2000 cho thấy hơn 40% diện tích quỹ đất bị thoái hóa và có những hạn chế nghiêm trọng cho sản xuất; ở những vùng châu thổ, sản lượng khai thác cá tự nhiên giảm 9,5 lần, tại những vùng ven biển, năng suất mẻ lưới khai thác tôm tự nhiên chỉ bằng 78% so với những năm 80 của thế kỷ trước.⁽⁷⁾ Do vậy, một trong các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới là phải phân bổ lại dân cư đồng thời định hình lại bộ mặt sinh thái của các đô thị. Để đạt phát triển bền vững, nhất thiết phải có “chỉ số xanh” trong chỉ số tăng trưởng kinh tế.

⁽⁷⁾ GS Đường Hồng Dật – Các yếu tố đảm bảo và quy trình kết hợp các vấn đề môi trường và các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội – Tạp chí bảo vệ môi trường số 1+2/2003, trang 40.